TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2023
V/v: "Ly hôn giữa chị Th và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà

Ông Nguyễn Thế Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 82/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị Th, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 8 (Thôn Đ), xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Mai Thị Th trình bày: Chị kết hôn với anh Đỗ Văn T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 02 năm 2004 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì nẩy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không có con, tình cảm và tính cách ngày càng khách biệt. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên từ năm 2018 đến nay vợ chồng chị ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, đề nghị Toà án xem xét giải quyết

cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyêt

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Về đường lối giải quyết:

Căn cứ điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị Th. Xử cho ly hôn giữa chị Mai Thị Th và anh Đỗ Văn T.

2. Về án phí DSST: chị Th phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật./

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Văn T vẫn thường trú tại địa phương tại xóm 8 (Thôn Đồng Qũy), xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Mai Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đỗ Văn T vắng mặt lần 2; căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Mai Thị Th và anh Đỗ Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 02 năm 2004 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, giữa chị Th và anh T nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có con, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2018 đến nay chị Th và anh T ly thân. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Mai Thị Th và anh Đỗ Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, từ khi ly thân đến nay hai bên cũng không tìm được biện pháp

hàn gắn đoàn tụ nên nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích của hôn nhân không đạt được; Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị Th đối với anh Đỗ Văn T.

[5] Về nuôi con chưa thành niên khi ly hôn: Chị Mai Thị Th và anh Đỗ Văn T không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản: Chị Mai Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí: Chị Mai Thị Th phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị Th, anh Đỗ Văn T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1.*Về hôn nhân:* Xử cho ly hôn giữa chị Mai Thị Th và anh Đỗ Văn T

3.Về án phí: Chị Mai Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số 0000508 ngày 16 tháng 5 năm 2023

4.*Về quyền kháng cáo:* Chị Mai Thị Th, anh Đỗ Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Thọ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 01 bản
- VKSND, tỉnh, huyện: 02 bản
- Chi cục THA huyện N: 01 bản
- UBND xã N: 01 bản
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, Lưu VP